

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-PT

Ngày: 23-02-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS – ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐXX-PT ngày 09/02/2023

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị X (S), sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 7, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Phạm Thị H, sinh năm 1962 và ông Trần Văn V, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Xóm H3, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn V: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2022).

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa có mặt bà H, ông V; bà X có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng,

nguyên đơn bà Đỗ Thị X (S) trình bày: Do quen biết nhau nên vợ chồng bà H, ông V có nhiều lần vay nợ bà X về làm ăn. Qua quá trình vay mượn, trả nợ thì hiện nay vợ chồng bà H, ông V còn nợ lại bà X các khoản nợ như sau:

Ngày 17/02/2015 âm lịch (ngày 05/4/2015), giữa vợ chồng ông V, bà H và bà X chốt nợ, vợ chồng bà H, ông V còn nợ bà X số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, hai bên theo thỏa thuận lãi suất là 20%/năm, khi nào bà X lấy tiền thì báo trước bà H một tuần, vợ chồng bà H, ông V sẽ thu xếp trả cả gốc và lãi cho bà X.

Về tiền gốc, vợ chồng bà H, ông V đã trả cho bà X được 188.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 16/10/2015 âm lịch (27/11/2015 DL), trả được 50.000.000 đồng; ngày 24/11/2015 âm lịch (03/01/2016 DL) trả được 50.000.000 đồng (nhờ bà Phạm Thị H trả giúp); ngày 10/7/2017 âm lịch (31/8/2017 DL) trả 50.000.000 đồng; tháng 8 năm 2019 dương lịch bà Phạm Thị H trả giúp cho bà H, ông V 38.000.000 đồng, Như vậy, vợ chồng bà H, ông V còn nợ 612.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả lãi.

Sau đó, ngày 09/9/2019 âm lịch (07/10/2019 DL) bà H, ông V vay thêm 82.800.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, vay không thời hạn. Đến ngày 08/3/2022 âm lịch (08/4/2022 DL) thì trả được 50.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 32.800.000 đồng, chưa trả lãi.

Nay bà X yêu cầu bà H, ông V phải trả cho bà số nợ gốc còn lại là 644.800.000 đồng, lãi suất là 20%/năm cho đến khi trả nợ xong. Riêng khoản nợ 32.800.000 đồng thì bà X yêu cầu tính lãi từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 cho đến khi trả xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà X đồng ý tính lãi xuất 1%/tháng cho các khoản vay của bà H, ông V như bà H trình bày.

* Tại các bản tự khai, bị đơn là vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Trần Văn V thống nhất trình bày: Ông bà đồng ý với lời khai của bà X về quá trình vay nợ, trả nợ là đúng. Tuy nhiên do hoàn cảnh của ông bà hiện nay khó khăn nên chỉ xin nhận trách nhiệm trả gốc cho bà X số tiền là 644.800.000 đồng, còn về tiền lãi thì ông bà xin.

Ngày 23/7/2022, bà H có bản tự khai bổ sung gửi Tòa án thể hiện vẫn công nhận số nợ gốc như trên nhưng bổ sung: Từ năm 2010 đến năm 2014, bà H, ông V vay nợ của bà X rất nhiều lần với lãi xuất thỏa thuận là 1,2%/tháng và đã trả lãi đầy đủ đến hết ngày 16/02/2015. Do không làm ăn được, chưa có tiền trả cho bà X nên ngày 17/02/2015 (âm lịch), hai bên đã tính toán, viết giấy chốt số nợ là 800.000.000 đồng và giảm lãi xuất xuống còn 1%/tháng và bà đã trả hết lãi cho bà X đến hết tháng 8 năm 2019. Đến ngày 09/9/2019 (âm lịch), bà H, ông V lại vay thêm bà X 82.800.000 đồng, lãi xuất 1%/tháng nhưng chưa trả được lãi. Theo bà H thì bà X khai nhận hai bên thỏa thuận lãi 20%/năm là không đúng. Ngoài lời khai thì bà H không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS – ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hquyết định.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Xinh.

Buộc bà Phạm Thị H, ông Trần Văn V phải trả cho bà Đỗ Thị X (S) số tiền là 1.238.328.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 644.800.000 đồng, tiền lãi là 593.528.000 đồng.

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí cho bà Phạm Thị H, ông Trần Văn V vì thuộc đối tượng người cao tuổi theo quy định pháp luật.

- Trả lại bà Đỗ Thị X số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai 0006139 ngày 14/04/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

* Ngày 19/9/2022 bà Phạm Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét tính lại phần lãi suất mà vợ chồng bà đã trả cho bà X từ năm 2010 đến tháng 9/2019 theo mức 2000đ/1 triệu/1 ngày để trừ vào tiền gốc; không chấp nhận trả lãi suất cho bà X

* Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên nội dung trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên. Bà H, ông V đề nghị Hội đồng xét xử miễn lãi cho ông bà, ông bà chấp nhận trả cho bà X số tiền gốc là 644.800.000đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2022/DS – ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà X có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H.

[2.1] Về số nợ gốc: Các đương sự đều thống nhất về số nợ gốc vợ chồng bà H, ông V còn nợ bà X số tiền 644.800.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Theo bà X khai lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm, vay không thời hạn. Bà H khai thời gian đầu trả lãi cao nhưng sau đó gia đình bà khó khăn nên hai bên thỏa thuận giảm lãi xuống còn 1%/tháng, bà X chấp nhận mức lãi suất bà H khai là 1%/tháng và yêu cầu vợ chồng bà H, ông V trả lãi tính từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Như vậy hai bên thống nhất lãi suất vay là 1%/tháng như bà H khai và Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc theo từng thời điểm là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.3] Bà H kháng cáo cho rằng bà đã trả lãi cho bà X đến hết tháng 8 năm 2019 nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quá trình trả lãi của mình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS – ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị H

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng